

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt kế hoạch xây dựng, sửa chữa công trình, mua sắm, sửa chữa thiết bị, mua dịch vụ phục vụ đào tạo, dịch vụ vệ sinh công nghiệp năm 2025

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Thương mại

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình;

Căn cứ Quyết định số 1655/QĐ-ĐHTM ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng trang thiết bị, hiện trạng công trình Phòng Quản trị CSVC trình Ban giám hiệu xem xét, phê duyệt kế hoạch xây dựng, sửa chữa công trình, mua sắm, sửa chữa thiết bị, mua dịch vụ phục vụ đào tạo, dịch vụ vệ sinh công nghiệp năm 2025. Cụ thể như sau:

1	Kế hoạch xây dựng sửa chữa công trình:	182.165.539.000	đồng
2	Kế hoạch mua sắm thiết bị:	11.637.339.500	đồng
3	Kế hoạch mua sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	4.344.000.000	đồng
4	Kế hoạch mua VPP, dịch vụ, cây cảnh:	12.439.330.000	đồng
Tổng		210.586.208.500	đồng

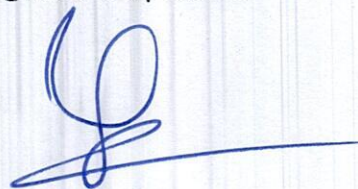
Tổng dự toán kinh phí: **210.586.208.500 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm linh tám nghìn, năm trăm đồng) đính kèm biểu chi tiết.

Phòng Quản trị CSVC kính trình Ban Giám hiệu xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để
Phòng Quản trị CSVC có căn cứ thực hiện các bước công việc tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn. *

Đồng ý.
Chào

TP. QUẢN TRỊ CSVC



Vũ Thuận

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kế hoạch xây dựng, sửa chữa công trình, mua sắm, sửa chữa thiết bị,
mua dịch vụ phục vụ đào tạo, dịch vụ vệ sinh công nghiệp năm 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13/06/2019;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ, quy định chi tiết và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ, quy định việc quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, sửa chữa, cải tạo công trình;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, quy định một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên

được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HDT ngày 18/1/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại; Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HDT ngày 11/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1655/QĐ-DHTM ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công của Trường Đại học Thương mại;

Theo Tờ trình của phòng Quản trị CSVC về việc xin phê duyệt kế hoạch xây dựng, sửa chữa công trình, mua sắm, sửa chữa thiết bị, mua dịch vụ phục vụ đào tạo, dịch vụ vệ sinh công nghiệp của Trường Đại học Thương mại năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch xây dựng, sửa chữa công trình, mua sắm, sửa chữa thiết bị, mua dịch vụ phục vụ đào tạo, dịch vụ vệ sinh công nghiệp của Trường Đại học Thương mại năm 2025, như sau:

- Danh mục mua sắm, sửa chữa chi tiết tại Phụ lục kèm theo.
- Tổng kinh phí mua sắm theo kế hoạch: **210.586.208.500 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm linh tám nghìn, năm trăm đồng).
- Nguồn vốn sử dụng: Từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Quản trị CSVC, phòng KHTC căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch mua sắm, sửa chữa được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định khác có liên quan để xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và kỹ thuật tài sản cần mua sắm; lập, phê duyệt dự toán gói thầu phù hợp với đơn giá tại thời điểm thực hiện; phê duyệt hồ sơ mời thầu làm cơ sở đánh giá, lựa chọn nhà thầu; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng, nghiệm thu bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của tài sản; thanh quyết toán, theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

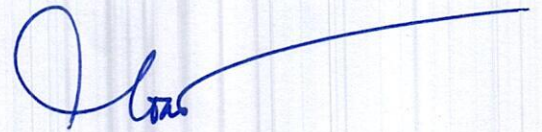
2. Tổ chức mua sắm tài sản phải tuân thủ theo đúng chế độ và quy định hiện hành, quy định của pháp luật; quản lý và sử dụng tài sản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản trị CSVC và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- P.KHTC, QTCSVC
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Nguyễn Hoàng

PHỤ LỤC CHI TIẾT
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH, MUA SẮM, SỬA CHỮA THIẾT BỊ, MUA DỊCH VỤ PHỤC VỤ
ĐÀO TẠO, DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP NĂM 2025

I. THỐNG KÊ XÂY DỰNG SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH; MUA SẮM SỬA CHỮA TRANG THIẾT BỊ, MUA VẤN
PHÒNG PHĂM; MUA DỊCH VỤ NĂM 2024

1. Thống kê xây dựng sửa chữa công trình:

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Kinh phí thực hiện
1	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại Trường Đại học Thương mại	Gói	1.430.661.654
2	Sửa chữa chống thấm seno nhà G trực từ 1-8 và trần phòng kỹ thuật hội trường H1	Gói	97.845.000
3	Sửa chữa chống thấm seno nhà G trực từ 9-14 và khe lún đầu hồi ký túc xá nhà A	Gói	94.768.000
4	Quyết toán Trung tâm học liệu và giảng đường đa năng	Gói	2.171.897.058
5	Tiếp tục xây dựng giảng đường trung tâm CD	Gói	15.064.291.167
Cộng kinh phí			18.859.462.879

2. Thống kê mua sắm thiết bị

TT	Tên thiết bị, dịch vụ	Đơn vị tính	Kinh phí thực hiện
----	-----------------------	-------------	--------------------

1	Mua sắm thiết bị tập thể thao		Gói	150.444.000
2	Mua thiết bị máy chiếu		20 cái	390.600.000
3	Mua sắm thiết bị phục vụ học tập, đào tạo (máy vi tính, máy in, máy scan, các thiết bị khác)			717.727.000
4	Mua sắm thiết bị hội trường, lớp học			181.626.820
5	Mua sắm các vật dụng, thiết bị, dịch vụ khác			393.000.000
6	Mua lắp đặt rèm cửa, thảm cho lớp học, Phòng làm việc		Gói	132.650.000
7	Mua dịch vụ đào tạo thực hành tại doanh nghiệp		Gói	525.000.000
8	Mua icloud sever cho các phần mềm quản lý đào tạo, LMS, bài báo trực tuyến		Gói	600.982.000
9	Mua phần mềm kiểm tra trùng lặp bài viết Turniti		1	197.200.000
10	Mua sắm hộp mực máy in, mực pháy photocopy cho các đơn vị trong trường		Gói	99.630.000
11	Mua thiết bị nội thất cho các phòng làm việc trong trường		1	589.850.000
12	Mua vật tư sửa chữa điện nước		Gói	206.865.000
13	Xuất bản Tạp chí Khoa học Thương mại (thêm trang)		Gói	135.000.000

14	Mua sắm mở rộng phần mềm quản lý đào tạo, Viện Đào tạo Quốc tế, Quản lý nghiên cứu khoa học và thuê sử dụng điện toán đám mây cho Trường ĐHTM (TT lần 2)	Gói	571.980.000
15	Mua sắm, nâng cấp, cài đặt phần mềm quản lý đào tạo cho hệ từ xa, Phần mềm Khảo sát ý kiến các bên liên quan về công tác đào tạo và các hoạt động khác của Trường Đại học Thương mại	Gói	806.000.000
16	Mua sắm bộ đàm phục vụ cho công tác bảo vệ an ninh trật tự	Gói	13.750.000
17	Mua vật tư sửa chữa máy in, máy photocopy các thiết bị văn phòng khác		110.000.000
TỔNG			5.822.304.820

3. Thống kê sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị

TT	Danh mục vật tư, dịch vụ	Đơn vị tính	Kinh phí thực hiện
1	Bảo trì, sửa chữa, kiểm định, nâng cấp phần mềm thang máy của các tòa nhà P, V, F	Thang	272.363.000
2	Sửa chữa bàn ghế sinh viên tại các giảng đường, sửa chữa trang thiết bị, cửa các phòng ban, HTLH	Gói	610.000.000
3	Bảo dưỡng sửa chữa điều hoà các khu làm việc, giảng đường	Gói	421.467.400
4	Bảo dưỡng, sửa chữa máy chiếu các khu giảng đường	Gói	36.490.000
5	Bảo dưỡng, sửa chữa màn hình led, thiết bị âm thanh, máy chiếu tại hội trường lớp học	Gói	87.500.000
6	Bảo dưỡng, sửa chữa bơm chống úng	Gói	98.740.257

7	Bảo trì trạm biến áp	Trạm	80.676.000
8	Dịch vụ bảo trì, thay thế linh kiện các máy lọc nước trên giảng đường	Máy	26.946.000
	Cộng kinh phí		1.634.182.657

4. Thống kê mua VPP; mua dịch vụ

TT	Danh mục vật tư, dịch vụ	Đơn vị tính	Kinh phí thực hiện
1	Mua dịch vụ vệ sinh	Gói	3.945.368.000
2	Mua đồ dùng, VPP...		330.000.000
3	Mua dịch vụ chăm sóc cây cảnh		468.000.000
4	Mua trồng mới cây, hoa, di chuyển cây trồng lại cây, cắt tỉa...		389.215.000
5	Thuê dịch vụ kiểm định chất lượng 02 chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán, Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Gói	359.740.000
6	Thuê dịch vụ Tư vấn đối sánh chất lượng giáo dục 03 chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại	Gói	178.500.000
7	Thuê dịch vụ bảo trì phần mềm quản lý đào tạo		440.666.667
8	Mua dịch vụ cho đoàn viên chức tham gia hội nghị tại Hạ Long		226.000.000
9	Mua dịch vụ vệ sinh cống rãnh, bể phốt	Gói	100.000.000
10	Mua dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt	Gói	230.000.000
11	Mua điện sinh hoạt		4.918.092.791

12	Mua nước sạch sinh hoạt		590.019.700
13	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học Marketing thương mại, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán doanh nghiệp chất lượng cao, Tài chính – Ngân hàng thương mại theo tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA) phiên bản 4.0	Gói	427.460.000
14	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học Marketing thương mại, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán doanh nghiệp chất lượng cao, Tài chính –	Gói	306.000.000
15	Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh cho Trường Đại học Thương mại	Gói	1.124.670.560
16	Thuê dịch vụ tổ chức sự kiện khai giảng năm học 2024-2025	Gói	433.233.000
	Cộng kinh phí		14.466.965.718

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2024

TT	Tên hạng mục	Kinh phí thực hiện
1	Kinh phí xây dựng sửa chữa công trình	18.859.462.879
2	Kinh phí mua thiết bị	5.822.304.820
3	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng vật tư, thiết bị	1.634.182.657
4	Kinh phí mua VPP, Dịch vụ, cây cảnh	14.466.965.718
	TỔNG	40.782.916.074

II. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH, MUA SẮM SỬA CHỮA TRANG THIẾT BỊ, MUA VẤN PHÒNG PHẨM, DỊCH VỤ NĂM 2025

1. Kế hoạch xây dựng sửa chữa công trình:

Đơn vị: đồng.

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Dự kiến kinh phí
1	Thi công sửa chữa, chống xuống cấp một số công trình tại Trường Đại học Thương mại	Gói	14.226.539.000
2	Xây dựng và lắp đặt thiết bị thuộc dự án xây dựng Trạm Biến áp Đại học Thương mại 4-1250 KVA	Gói	8.500.000.000
3	Tiếp tục xây dựng giảng đường trung tâm CD	Gói	159.439.000.000
Cộng kinh phí			182.165.539.000

2. Kế hoạch mua sắm thiết bị

TT	Tên thiết bị, dịch vụ	Đơn vị tính	Kinh phí dự kiến
1	Mua thiết bị hội trường lớp học(máy chiếu, loa, dây HDMI, âm ly...)	Gói	400.000.000
2	Mua sắm lắp đặt rèm, thảm, cây cảnh nhựa trang trí	Gói	880.000.000
3	Mua sắm lắp đặt bàn, ghế, tủ, nội thất	Gói	1.100.000.000
4	Mua sắm phần mềm Quản lý đào tạo, điện toán đám mây Icloud	Gói	1.018.000.000
5	Mua sách điện tử, CSDL, phần mềm Tunirtin	Gói	585.000.000
6	Đào tạo ngoài doanh nghiệp	Gói	500.000.000

7	Mua sắm, lắp đặt phần mềm Quản trị nhân sự	Gói	490.000.000
8	Quảng bá truyền thông tuyển sinh	Gói	1.220.000.000
9	Quay Video clip	Gói	300.000.000
10	Phun thuốc diệt muỗi	Gói	100.000.000
11	Xuất bản in sách	Gói	70.000.000
12	Các dịch vụ khác	Gói	370.000.000
13	Mua tem nhãn phục vụ dán tài liệu cho Thư viện	Gói	350.000.000
14	Mua thiết bị tường lửa mới và phần mềm tường lửa đã hết hạn	Gói	850.000.000
15	Mua sắm thiết bị tập thể thao	Gói	230.000.000
16	Dịch vụ tổ chức khai giảng năm học 2025-2026	Gói	450.000.000
17	Mua icloud sever cho các phần mềm quản lý đào tạo, LMS, bài báo trực tuyến	Gói	650.000.000
18	Mua sắm, sửa chữa, lắp đặt thay thế trang thiết bị cho các đơn vị, hội trường lớp học	Gói	141.330.000
19	Thay thế vách hội trường H1	Gói	362.600.000
20	Bục phát biểu, bàn đại biểu hội trường H1	Gói	103.968.000
21	Sửa chữa bàn ghế S, V, HTLH	Gói	97.850.000

22	Mua sắm, sửa chữa thay thế nan ghế ngồi ngoài cảnh, sửa chữa lắp đặt một số thiết bị, vật tư các phòng ban	Gói	74.455.500
23	Mua sắm, sửa chữa thay thế đồ dùng, thiết bị Khu nội trú, sửa chữa hệ thống cửa nhà P	Gói	74.398.000
24	Cung cấp lắp đặt thiết bị cho các đơn vị, phòng ban mới thành lập	Gói	36.600.000
25	Mua sắm thiết bị phục vụ học tập, đào tạo (máy vi tính, máy in, máy scan, các thiết bị khác)		1.023.920.000
26	Thiết bị truyền tin báo cháy GSAPE	Gói	14.668.000
27	Mua sắm máy ảnh kỹ thuật số và ống kính đa dụng	Gói	98.000.000
25	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản AMIS	Gói	46.550.000
TỔNG			11.637.339.500

3. Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị

TT	Danh mục vật tư, dịch vụ	Đơn vị tính	Kinh phí dự kiến
1	Mua vật tư điện nước phục vụ sửa chữa	gói	150.000.000
2	Mua dịch vụ đối sánh chất lượng giáo dục UPM	gói	300.000.000
3	Kiểm định 06 CTĐT Thạc sỹ	chương trình đào tạo	1.000.000.000
4	Dịch vụ bảo trì phần mềm QLDT	năm	440.000.000
5	Dịch vụ ăn, phòng nghỉ cho hội nghị tập huấn Đảng ủy 2025	gói	500.000.000

6	Mua giấy in, hộp mực máy in cho các đơn vị	gói	100.000.000
7	Mua linh kiện sửa chữa máy in, máy photocopy cho các đơn vị	năm	90.000.000
8	Mua sắm vật tư điện lạnh, bảo dưỡng bảo trì	năm	550.000.000
9	Bảo dưỡng thiết bị máy chiếu	gói	50.000.000
10	Bảo dưỡng, sửa chữa màn hình led	gói	100.000.000
11	Cải tạo sửa chữa camera, âm thanh	gói	120.000.000
12	Bảo trì, sửa chữa, kiểm định, nâng cấp phần mềm thang máy của các tòa nhà P, V, F	năm	490.000.000
13	Dịch vụ bảo trì, thay thế linh kiện các máy lọc nước trên giảng đường	năm	30.000.000
14	Bảo trì trạm biến áp	trạm	24.000.000
15	Cung cấp tiệc trà và dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện HT KHQT SV NCKH tại Trường ĐHTM	Gói	250.000.000
16	Hội nghị tổng kết cuối năm 2025	Gói	150.000.000
	Cộng kinh phí		4.344.000.000

4. Kế hoạch mua VPP; mua dịch vụ; mua, chăm sóc cây cảnh, nạo vét cống rãnh ...

TT	Danh mục vật tư, dịch vụ	Đơn vị tính	Kinh phí dự kiến
1	Đồ dùng VPP	năm	350.000.000
2	Thông tắc, nạo vét cống rãnh	năm	200.000.000

3	Mua dịch vụ vệ sinh CN		năm	3.800.000.000
4	Dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt		năm	240.000.000
5	Mua dịch vụ chăm sóc cây cảnh			468.000.000
6	Mua trồng mới cây, hoa, di chuyển cây trồng lại cây, cắt tỉa...			390.330.000
7	Dịch vụ thuê cloud server			291.000.000
8	Dịch vụ in ấn kẹp file, ấn phẩm truyền thông tuyển sinh		gói	400.000.000
9	Trang trí phục vụ lễ kỉ niệm 65 năm thành trường		gói	350.000.000
10	Trang trí cây thông Noel, trang trí hội trường phục vụ tổng kết cuối năm		gói	350.000.000
11	Mua điện sinh hoạt		năm	5.000.000.000
12	Mua nước sinh hoạt		năm	600.000.000
	Cộng kinh phí			12.439.330.000

TỔNG HỢP KINH PHÍ KẾ HOẠCH 2025

TT	Tên hạng mục	Kinh phí dự kiến
1	Kế hoạch xây dựng sửa chữa công trình:	182.165.539.000
2	Kế hoạch mua, sửa chữa thiết bị:	11.637.339.500
3	Kế hoạch mua vật tư, sửa chữa, bảo dưỡng ...	4.344.000.000
4	Kế hoạch mua VPP, Dịch vụ, cây cảnh	12.439.330.000
	Cộng kinh phí	210.586.208.500